

Số: ~~644~~ PC3I-TC

Đà Nẵng, ngày 5 tháng 7 năm 2018

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
QUÝ 2/2018 SO VỚI QUÝ 2/2017 (TRƯỚC SOÁT XÉT)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (MCK: PIC, sàn giao dịch: HNX) xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2018 so với quý 2 năm 2017 như sau:

1. Báo cáo tài chính tổng hợp

a. Báo cáo tài chính quý 2/2018

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2018 : 11.702.485.891 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2017 : 10.986.018.010 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2018 tăng so với quý 2 năm 2017 là 716.467.881 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 6,52%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 2/2018 (1)	Quý 2/2017 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	27.963.457.131	17.638.426.933	10.325.030.198	158,54%
- Doanh thu bán điện	27.963.457.131	17.638.426.933	10.325.030.198	158,54%
2. Giá vốn hàng bán	9.796.807.954	5.091.827.157	4.704.980.797	192,40%
- Chi phí bán điện	9.796.807.954	5.091.827.157	4.704.980.797	192,40%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	18.166.649.177	12.546.599.776	5.620.049.401	144,79%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	183.686.890	403.438.089	(219.751.199)	45,53%
5. Chi phí tài chính	4.341.523.440	830.638.674	3.510.884.766	522,67%
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.862.291.586	519.332.056	1.342.959.530	358,59%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.146.521.041	11.600.067.135	546.453.906	104,71%
9. Thu nhập khác	891.700	0	891.700	
10. Chi phí khác	3.088.002	0	3.088.002	
11. Lợi nhuận khác	(2.196.302)	0	(2.196.302)	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.144.324.739	11.600.067.135	544.257.604	104,69%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	441.838.848	614.049.125	(172.210.277)	71,95%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.702.485.891	10.986.018.010	716.467.881	106,52%

b. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 2/2018:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2018 : 27.758.322.576 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2017 : 28.956.240.501 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2018 giảm so với bán niên năm 2017 là 1.197.917.925 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 4,14%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Lũy kế đến quý 2/2018 (1)	Lũy kế đến quý 2/2017 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	60.627.270.471	44.337.811.299	16.289.459.172	136,74%
- Doanh thu bán điện	60.627.270.471	44.337.811.299	16.289.459.172	136,74%
2. Giá vốn hàng bán	20.573.746.827	12.037.775.148	8.535.971.679	170,91%
- Doanh thu bán điện	20.573.746.827	12.037.775.148	8.535.971.679	170,91%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	40.053.523.644	32.300.036.151	7.753.487.493	124,00%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	320.030.978	716.008.875	-395.977.897	44,70%
5. Chi phí tài chính	8.327.427.300	1.343.629.513	6.983.797.787	619,77%
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.992.203.223	1.147.472.928	1.844.730.295	260,76%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.053.924.099	30.524.942.585	-1.471.018.486	95,18%
9. Thu nhập khác	4.438.700	0	4.438.700	
10. Chi phí khác	3.088.002	0	3.088.002	
11. Lợi nhuận khác	1.350.698	0	1.350.698	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.055.274.797	30.524.942.585	-1.469.667.788	95,19%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.296.952.221	1.568.702.084	-271.749.863	82,68%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.758.322.576	28.956.240.501	-1.197.917.925	95,86%

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh bán niên năm 2018 giảm so với bán niên năm 2017 như sau:

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Đối với hoạt động SXKD NMTĐ Đắk Pône: Tình hình thời tiết trong 6 tháng đầu năm 2018 tương đối thuận lợi, tuy nhiên vẫn không thể bằng cùng kỳ năm trước (là năm rất thuận lợi cho hoạt động phát điện với sản lượng điện phát đạt kỷ lục cao nhất), Nhờ thực hiện nhiều biện pháp giúp cải thiện giá bán điện bình quân nên kết quả kinh doanh NMTĐ Đắk Pône tốt, cụ thể như sau:

Nội dung	Quý 2/2018	6 tháng đầu năm 2018	So kế hoạch 2018	So với cùng kỳ năm trước
Sản lượng điện phát	12.858.214 kWh	31.071.863 kWh	51,93%	81,48%
Doanh thu	16,350 tỷ đồng	38,890 tỷ đồng	61,35%	87,71%

Ngày 29/01/2018, PC3-INVEST đã trả hết nợ gốc NMTĐ Đắk Pône, nên trong 6 tháng đầu năm, chi phí lãi vay của NMTĐ Đắk Pône chỉ còn 57,02 triệu đồng trong năm 2018.

+ Đối với hoạt động SXKD NMTĐ Đa Krông 1: Từ ngày 8/1/2018, Công ty bắt đầu đưa vào vận hành NMTĐ Đa Krông 1, tỉnh Quảng Trị. Tình hình thời tiết 6 tháng đầu năm khá khô hạn nên sản lượng chưa đạt so với kế hoạch đặt ra, nhưng nhờ thực hiện



hiều biện pháp tăng giá bán điện bình quân nên doanh thu của NMTĐ Đa Krông 1 đã đạt được 48,16% so với cả năm, cụ thể như sau:

Nội dung	Quý 2/2018	6 tháng đầu năm 2018	So kế hoạch 2018
Sản lượng điện phát	5.153.842 kWh	10.024.732 kWh	25,75%
Doanh thu	11,612 tỷ đồng	21,737 tỷ đồng	48,16%

Do đây là năm đầu tiên đưa vào vận hành, nên so với cùng kỳ năm ngoái các chi phí bán điện đều tăng (chủ yếu là thuế, phí, khấu hao). Bên cạnh đó, là năm đầu vận hành nên nợ gốc vay tín dụng của NMTĐ Đa Krông 1 còn nhiều, dẫn đến lãi vay phải trả chiếm chi phí đáng kể, đây là nguyên nhân chính dẫn đến chi phí tài chính tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

- Hoạt động khác: trong 6 tháng đầu năm 2018, thu nhập khác phát sinh tiền thanh lý TSCĐ, bán phế liệu với thu nhập 4.438.700 đồng và chi phí khác 3.088.002 đồng. Cùng kỳ năm ngoái, hoạt động khác không phát sinh.

Từ những yếu tố trên làm Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2018 giảm so với bán niên năm 2017 là 1.197.917.925 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 4,14%.

2. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty

a. Báo cáo tài chính quý 2/2018

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2018 : - 1.812.360.247 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2017 : - 1.061.157.465 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2018 giảm so với quý 2 năm 2017 là 751.202.782 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 29,21%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 2/2018 (1)	Quý 2/2017 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV				
- Doanh thu bán điện				
2. Giá vốn hàng bán				
- Doanh thu bán điện				
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV				
4. Doanh thu hoạt động tài chính	183.686.890	403.438.089	-219.751.199	45,53%
5. Chi phí tài chính	0	490.309.507	(490.309.507)	
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.554.839.989	360.236.922	1.194.603.067	431,62%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.371.153.099)	(447.108.340)	(924.044.759)	32,61%
9. Thu nhập khác	631.700	0		
10. Chi phí khác	0	0		
11. Lợi nhuận khác	631.700	0		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.370.521.399)	(447.108.340)	(923.413.059)	32,62%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	441.838.848	614.049.125	-172.210.277	71,95%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.812.360.247)	(1.061.157.465)	(751.202.782)	70,79%

b. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 2/2018



- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2018 : -3.408.807.038 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2017 : -2.233.679.220 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2018 giảm so với bán niên năm 2017 là 1.175.127.818 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 47,39%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Lũy kế đến quý 2/2018 (1)	Lũy kế đến quý 2/2017 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV				
2. Giá vốn hàng bán				
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV				
4. Doanh thu hoạt động tài chính	320.030.978	716.008.875	(395.977.897)	44,70%
5. Chi phí tài chính	4.500.000	524.810.168	(520.310.168)	0,86%
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.431.564.495	856.175.843	1.575.388.652	284,00%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(2.116.033.517)	(664.977.136)	(1.451.056.381)	318,21%
9. Thu nhập khác	4.178.700	0		
10. Chi phí khác	0			
11. Lợi nhuận khác	4.178.700	0		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.111.854.817)	(664.977.136)	(1.446.877.681)	31,49%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.296.952.221	1.568.702.084	(271.749.863)	82,68%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(3.408.807.038)	(2.233.679.220)	(1.175.127.818)	52,61%

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 kính báo cáo và cam kết nội dung giải trình trên là đúng sự thật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên; *Custor*
- Lưu VT, TC, đăng web.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lương Minh